



BẢN SAO

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINAIAFC
AVINAIAFC TAX CONSULTANCY, AUDITING & ACCOUNTING CO.,LTD

LẬP ĐOẠN PHÂN CHẤT VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MTV

PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

AVINAIAFC
professional & quality

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tiền thân là công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc được thành lập theo Quyết định số 38/2006/QĐ-BCN ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH Một thành viên với mã số doanh nghiệp là 2400120344 cấp lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 12/04/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp.

Vốn điều lệ của công ty là: 2.000.000.0000 đồng (*Hai nghìn tỷ đồng*)

Công ty có trụ sở chính tại đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty :

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH Một thành viên với mã số doanh nghiệp là 2400120344 cấp lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 12 tháng 04 năm 2013, ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán phân đạm urê;
- Sản xuất, mua bán phân hỗn hợp NPK;
- Sản xuất, mua bán hóa chất cơ bản;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Quản lý, vận hành lưới điện phân phối trong phạm vi Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc quản lý có cấp điện áp từ 35Kv trở xuống;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Sản xuất NH₃ lỏng, các sản phẩm khí công nghiệp Các bon đi ô xít (lỏng, rắn);
- Mua bán phân đạm U rê, phân hỗn hợp, NPK, hóa chất cơ bản, NH₃ lỏng, các sản phẩm khí công nghiệp, Các bon đi ô xít; Các sản phẩm hóa chất và phân bón;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (Chi tiết: sản xuất mua bán hàng cơ khí)
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm hóa chất và phân bón./.

Công ty con

Tên	Trụ sở
Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng phát Hà Bắc	Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</i>	<i>64,56%</i>
<i>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</i>	<i>64,56%</i>

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 29 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên	Ông Phan Văn Tiền	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2013)
	Ông Đỗ Doãn Hùng	Thành viên (Chủ tịch HĐQT từ 01/01 đến 28/02/2013)
	Ông Phạm Văn Trung	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2013)
	Bà Nguyễn Thị Thanh Minh	Thành viên
	Ông Đỗ Minh Sơn	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2013)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Đỗ Doãn Hùng	Tổng Giám đốc
	Ông Phan Văn Tiền	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 28/2/2013)
	Ông Đỗ Minh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Ninh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 10/04/2013)
	Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Văn Hiệu
Bà Lương Thị Anh Đào		Kiểm soát viên
Ông Nguyễn Tổng Luận		Kiểm soát viên
Ông Nguyễn Văn Đông		Kiểm soát viên (bổ nhiệm từ 15/4/2013)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA- IAFC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng năm 2013 cho Công ty và tiếp tục nguyện vọng kiểm toán cho các năm tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY TNHH MTV PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC
Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Đoàn Hùng
Tổng Giám đốc

Bắc Giang, ngày 21 tháng 2 năm 2014

Số : 003/2014/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc, được lập ngày 21 tháng 2 năm 2014, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

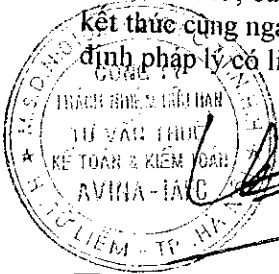
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Quốc Hùng

Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0295-2013-146-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA -IAFC
Hà Nội, ngày 21 tháng 2 năm 2014

Đinh Thế Hùng

Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1917-2013-146-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.546.809.146.569	2.253.239.042.226
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	981.416.861.009	1.422.803.918.744
1. Tiền	111		63.805.861.009	55.192.918.744
2. Các khoản tương đương tiền	112		917.611.000.000	1.367.611.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	10.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		10.000.000.000	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		69.985.115.211	344.924.989.566
1. Phải thu khách hàng	131		24.959.216.191	186.636.348.891
2. Trả trước cho người bán	132		33.327.651.773	146.454.752.960
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		689.590.411	669.339.549
3. Các khoản phải thu khác	135	5	11.167.151.336	11.323.042.666
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(158.494.500)	(158.494.500)
IV- Hàng tồn kho	140	6	441.523.407.054	461.336.036.798
1. Hàng tồn kho	141		441.523.407.054	461.336.036.798
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		43.883.763.295	24.174.097.118
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.368.646.087	4.461.499.274
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		42.513.265.408	19.712.597.844
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.851.800	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.644.813.309.790	1.638.448.353.046
I- Tài sản cố định	220		6.560.695.255.465	1.579.510.373.001
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	43.784.562.772	63.013.607.071
- Nguyên giá	222		898.961.728.011	892.017.782.951
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(855.177.165.239)	(829.004.175.880)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	1.448.614.445	900.803.750
- Nguyên giá	228		6.764.575.000	2.901.275.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.315.960.555)	(2.000.471.250)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	6.515.462.078.248	1.515.595.962.180
II- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	81.178.500.000	55.508.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		54.230.000.000	28.560.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.420.000.000	3.420.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		23.528.500.000	23.528.500.000
III- Tài sản dài hạn khác	260		2.939.554.325	3.429.480.045
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	2.939.554.325	3.429.480.045
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		8.191.622.456.359	3.891.687.395.272

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	Mẫu B 01-DN
			VND	01/01/2013 Đơn vị tính: VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		6.188.331.037.758	1.669.186.107.498
I- Nợ ngắn hạn	310		639.403.272.242	209.752.560.179
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	45.269.472.000	44.821.856.000
2. Phải trả người bán	312		236.812.091.815	19.161.377.462
3. Người mua trả tiền trước	313		26.421.789.076	5.091.286.105
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	18.549.123.436	31.776.975.489
5. Phải trả người lao động	315		85.477.023.942	87.692.074.145
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn	319	14	154.255.381.647	6.048.458.185
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		72.618.390.326	15.160.532.793
II- Nợ dài hạn	330		5.548.927.765.516	1.459.433.547.319
1. Phải trả dài hạn khác	333		43.450.308.562	383.864.974
2. Vay và nợ dài hạn	334	15	5.411.724.896.310	1.365.186.673.965
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		93.752.560.644	93.863.008.380
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.003.291.418.601	2.222.501.287.774
I- Vốn chủ sở hữu	410	16	2.003.291.418.601	2.222.321.287.774
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.113.580.694.225	1.113.580.694.225
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		887.527.196.296	520.500.202.132
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	201.335.673.362
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	384.721.189.975
5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		2.183.528.080	2.183.528.080
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	180.000.000
1. Nguồn kinh phí	432	17	-	180.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		8.191.622.456.359	3.891.687.395.272



CÔNG TY TNHH MTV PHÂN ĐAM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

Báo cáo tài chính

ở Trung, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
1. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ	002			34.911.705.684
2. Nợ khó đòi đã xử lý	004		3.216.004.029	3.216.004.029
3. Ngoại tệ các loại	005			
3.1 Đô la Mỹ			49.064,56	314.556,66

Nguyễn Thu Nga

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày tháng năm 2014

Hà Xuân Hán

Kế toán trưởng



Đỗ Doãn Hùng

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013		Năm 2012	
			VND		VND	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	1.842.435.022.499	2.009.942.895.855		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	1.842.435.022.499	2.009.942.895.855		
4. Giá vốn hàng bán	11	20	1.507.981.563.330	1.562.850.954.990		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		334.453.459.169	447.091.940.865		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	110.875.164.721	170.577.090.428		
7. Chi phí tài chính	22	22	25.591.827.131	10.546.766.242		
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		619.437.205	706.815.676		
8. Chi phí bán hàng	24		16.544.780.005	22.602.132.260		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		102.872.831.512	100.153.521.938		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		300.319.185.242	484.366.610.853		
11. Thu nhập khác	31		7.293.010.760	18.671.718.051		
12. Chi phí khác	32		6.638.121.556	4.473.747.838		
13. Lợi nhuận khác	40		654.889.204	14.197.970.213		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		300.974.074.446	498.564.581.066		
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	73.327.194.788	124.122.951.896		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	489.925.720	489.925.720		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		227.156.953.938	373.951.703.450		

Nguyễn Thu Nga

Nguyễn Thu Nga

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 21 tháng 2 năm 2014

Hà Xuân Hán

Hà Xuân Hán

Kế toán trưởng



Đỗ Doãn Hùng

Đỗ Doãn Hùng

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	300.974.074.446	498.564.581.066
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	35.814.899.984	42.641.161.242
- Các khoản dự phòng	03	-	(4.904.408.899)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực	04	24.972.389.926	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(61.527.615.050)	(170.577.090.428)
- Chi phí lãi vay	06	619.437.205	751.698.426
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	300.853.186.511	366.475.941.407
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	252.137.354.991	(114.866.212.950)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	19.812.629.744	15.850.947.787
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi)	11	492.045.910.367	(9.951.122.916)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.092.853.187	(3.226.075.452)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(226.237.726.050)	(62.680.202.851)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(93.972.032.386)	(143.857.342.429)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	9.600.000	161.349.441.057
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(53.409.617.723)	(253.051.727.538)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	694.332.158.641	(43.956.353.885)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài	21	(5.074.593.381.439)	(425.554.427.984)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các	22	597.230.181	5.549.714.231
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn	23	(318.000.000.000)	(433.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của	24	308.000.000.000	553.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(25.670.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	106.806.624.921	191.237.748.738
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.002.859.526.337)	(108.766.965.015)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.092.255.310.345	214.925.896.597
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(45.269.472.000)	(44.821.856.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(180.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.866.985.838.345	170.104.040.597
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(441.541.529.351)	17.380.721.697
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.422.803.918.744	1.405.337.623.565
Ảnh hưởng của thay đổi TGHD quy đổi ngoại tệ	61	154.471.616	85.573.482
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.422.803.918.744	1.422.803.918.744



Nguyễn Thu Nga

Nguyễn Thu Nga
 Người lập biểu

Hà Xuân Hán

Hà Xuân Hán
 Kế toán trưởng

Đỗ Doãn Hùng
 Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính riêng)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tiền thân là công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc được thành lập theo Quyết định số 38/2006/QĐ-BCN ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH Một thành viên với mã số doanh nghiệp là 2400120344 cấp lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 12/04/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp.

Vốn điều lệ của công ty là: 2.000.000.0000 đồng (*Hai nghìn tỷ đồng*)

Công ty có trụ sở chính tại đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty :

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH Một thành viên với mã số doanh nghiệp là 2400120344 cấp lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 12 tháng 04 năm 2013, ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán phân đạm urê;
- Sản xuất, mua bán phân hỗn hợp NPK;
- Sản xuất, mua bán hóa chất cơ bản;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Quản lý, vận hành lưới điện phân phối trong phạm vi Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc quản lý có cấp điện áp từ 35Kv trở xuống;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Sản xuất NH3 lỏng, các sản phẩm khí công nghiệp Các bon đi ô xít (lỏng, rắn);
- Mua bán phân đạm U rê, phân hỗn hợp, NPK, hóa chất cơ bản, NH3 lỏng, các sản phẩm khí công nghiệp, Các bon đi ô xít; Các sản phẩm hóa chất và phân bón;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (Chi tiết: sản xuất mua bán hàng cơ khí)
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm hóa chất và phân bón./.

Công ty con

Tên	Trụ sở
Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng phát Hà Bắc	Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</i>	<i>64,56%</i>
<i>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</i>	<i>64,56%</i>

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành cùng với các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính “Quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp”. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt, chạy thử.

Đối với các TSCĐ được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá TSCĐ là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá TSCĐ sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài phần lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần vốn chủ sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát tài sản và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như các hoạt động kinh doanh thông thường khác

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

Chi phí khác:

Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được điều chỉnh theo phê duyệt quyết toán hàng năm của Tập đoàn.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Công ty đang phân phối lợi nhuận theo Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các công ty cùng thuộc tập đoàn, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	2.115.129.011	2.562.011.943
Tiền gửi ngân hàng	61.690.731.998	52.630.906.801
Các khoản tương đương tiền	917.611.000.000	1.367.611.000.000
Cộng	981.416.861.009	1.422.803.918.744

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	10.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	
Cộng	10.000.000.000	-

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu khác	11.167.151.336	11.323.042.666
Điện chưa viết hóa đơn	325.121.855	1.311.633.879
Thuế TN cá nhân	562.220.771	1.765.266.535
Công ty CP tài chính Hóa chất	318.333.333	2.136.388.889
Ngân hàng CT Bắc Giang	2.581.944.444	4.432.916.666
Ngân hàng Sài gòn CN Bắc Ninh	216.666.667	
Ngôn hàng Nam Việt CN Bắc Giang	124.583.333	
NH Bưu điện Liên Việt- CN Thăng long	217.777.778	8.888.889
NH Indovina -Chi nhánh Hà Nội	93.678.689	168.621.640
NH Ngoại thương Bắc Giang	515.555.556	15.555.556
Thuế nhà thầu của BQL Dự án	3.444.297.388	640.669.280
Chi phí đền bù chưa quyết toán với NSNN	1.868.806.742	
Các đối tượng khác	898.164.780	843.101.332
Cộng	11.167.151.336	11.323.042.666

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	281.570.715.309	345.197.875.421
Công cụ, dụng cụ	1.262.872.876	1.370.604.155
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.554.581.006	5.337.541.561
Thành phẩm	156.135.237.863	109.430.015.661
Cộng giá gốc hàng tồn kho	441.523.407.054	461.336.036.798
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	441.523.407.054	461.336.036.798

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	TSCĐ Khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2013	139.506.435.064	720.468.883.264	25.796.517.806	5.748.420.007	497.526.810	892.017.782.951
Tăng trong năm	4.747.314.260	8.583.718.132	-	-	-	13.331.032.392
Mua trong năm		8.583.718.132				8.583.718.132
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.747.314.260					4.747.314.260
Giảm trong năm	700.268.815	5.686.818.517	-	-	-	6.387.087.332
Giảm khác	700.268.815	5.686.818.517				6.387.087.332
Số dư tại 31/12/2013	143.553.480.509	723.365.782.879	25.796.517.806	5.748.420.007	497.526.810	898.961.728.011
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2013	99.098.090.022	699.689.137.475	24.246.784.482	5.748.420.007	221.743.894	829.004.175.880
Tăng trong năm	12.222.438.942	18.480.817.735	1.549.733.324	-	217.920.678	32.470.910.679
Khấu hao trong năm	12.222.438.942	18.480.817.735	1.549.733.324		217.920.678	32.470.910.679
Giảm trong năm	699.029.134	5.598.892.186	-	-	-	6.297.921.320
Giảm khác	699.029.134	5.598.892.186				6.297.921.320
Số dư tại 31/12/2013	110.621.499.830	712.571.063.024	25.796.517.806	5.748.420.007	439.664.572	855.177.165.239
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2013	40.408.345.042	20.779.745.789	1.549.733.324	-	275.782.916	63.013.607.071
Tại 31/12/2013	32.931.980.679	10.794.719.855	-	-	57.862.238	43.784.562.772

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

796.566.352.145

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	TSCĐ vô hình khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2013	2.901.275.000	2.901.275.000
Tăng trong năm	3.891.800.000	3.891.800.000
Mua trong năm	3.891.800.000	3.891.800.000
Giảm trong năm	28.500.000	28.500.000
Giảm khác	28.500.000	28.500.000
Số dư tại 31/12/2013	6.764.575.000	6.764.575.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2013	2.000.471.250	2.000.471.250
Tăng trong năm	3.343.989.305	3.343.989.305
Khấu hao trong năm	3.343.989.305	3.343.989.305
Giảm trong năm	28.500.000	28.500.000
Giảm khác	28.500.000	28.500.000
Số dư tại 31/12/2013	5.315.960.555	5.315.960.555
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2013	900.803.750	900.803.750
Tại 31/12/2013	1.448.614.445	1.448.614.445

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Nội dung	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang các công trình, hạng mục;</i>		
Dự án tái định cư	57.681.887.664	43.807.217.436
Dự án mở rộng nhà máy phân đạm Hà bắc	6.455.525.816.929	1.460.719.708.447
Hệ thống làm lạnh máy băng trục vít	1.276.233.433	
Dự án Hệ thống thông tin Quản trị ERP		9.974.879.628
Công trình khác	978.140.222	1.094.156.669
Cộng	6.515.462.078.248	1.515.595.962.180

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013		01/01/2013		
	% vốn điều lệ	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào Công ty con					
Cty CP Hóa chất Hưng phát Hà Bắc (1)		5.423.000	54.230.000.000	2.856.000	28.560.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết					
Cty CP XNK Phân bón Bắc Giang (2)	36%	342.000	3.420.000.000	342.000	3.420.000.000
Đầu tư dài hạn khác					
- Đầu tư vào cổ phiếu Vietinbank		873.698	11.528.500.000	873.698	11.528.500.000
- Đầu tư Cty Tài chính CP Hóa chất	2%	608.000	12.000.000.000	608.000	12.000.000.000
Tổng		7.246.698	81.178.500.000	4.679.698	55.508.500.000

Thông tin bổ sung

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích tại ngày 31/12/2013	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2013	Hoạt động kinh doanh chính
Cty CP Hóa chất Hưng phát Hà Bắc	Bắc Giang	64,56%	64,56%	Sản xuất Oxy già
Cty CP XNK Phân bón Bắc Giang	Bắc Giang	36,00%	36,00%	Sản xuất phân bón

11. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.939.554.325	3.429.480.045
Cộng	2.939.554.325	3.429.480.045

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ dài hạn đến hạn trả	45.269.472.000	44.821.856.000
Cộng	45.269.472.000	44.821.856.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	73.038.427
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.426.298.771	27.212.527.223
Thuế thu nhập cá nhân	562.220.771	1.765.266.535
Thuế tài nguyên	135.432.465	131.099.472
Các loại thuế khác	10.425.171.429	2.595.043.832
Cộng	18.549.123.436	31.776.975.489

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	885.609.917	2.486.698.703
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.300.197.399	1.529.176.547
Các khoản phải trả, phải nộp khác	152.069.574.331	2.032.582.935
Các quỹ của CB nhân viên đóng góp	1.735.214.499	1.828.587.474
Lợi nhuận phải nộp về Tập đoàn HCVN	149.996.497.513	
Khác	337.862.319	203.995.461
Cộng	154.255.381.647	6.048.458.185

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Công thương BG và các NH đồng tài trợ (a)	2.154.252.046.310	971.257.047.965
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (b)	3.031.113.000.000	124.986.000.000
Vay đối tượng khác	12.490.000	12.490.000
Nợ dài hạn		
Nợ dài hạn khác (c)	226.347.360.000	268.931.136.000
Cộng	5.411.724.896.310	1.365.186.673.965

(a) Vay dài hạn ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Bắc Giang

Hợp đồng tín dụng số : 02.68/2010/HĐTD ngày 6/8/2010

Số tiền vay : 30.000.000 USD

Mục đích vay : Đầu tư Dự án cải tạo-mở rộng nhà máy Phân đạm Hà Bắc

Thời hạn vay : 13 năm

Lãi suất : Theo quy định của ngân hàng tại từng thời điểm.

Đảm bảo tiền vay : Tài sản hình thành từ vốn vay

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Vay dài hạn ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Bắc Giang và các ngân hàng đồng tài trợ (Indovina, Á châu, CATHAY UNITED)

Hợp đồng tín dụng số : 01.68/2010/HĐTĐ ngày 6/8/2010

Số tiền vay : 192.000.000 USD

Mục đích vay : Đầu tư Dự án cải tạo-mở rộng nhà máy Phân đạm Hà Bắc

Thời hạn vay : 13 năm

Lãi suất : Theo quy định của ngân hàng tại từng thời điểm.

Đảm bảo tiền vay : Tài sản hình thành từ vốn vay

(b) Hợp đồng tín dụng số: Số: 45 /2008/HĐTĐĐT- NHPT ngày 11/9/2008

Số tiền vay : 4.125 tỷ đồng

Mục đích vay : Đầu tư Dự án cải tạo-mở rộng nhà máy Phân đạm Hà Bắc

Thời hạn vay : 12 năm

Lãi suất : Theo quy định của ngân hàng tại từng thời điểm

Đảm bảo tiền vay : Tài sản hình thành từ vốn vay

(c) Hợp đồng tín dụng số: Số: 01/ TDNN ngày 19/5/2003

Số tiền vay : 21.520.000 USD

Mục đích vay : Đầu tư cải tạo kỹ thuật nhà máy Phân đạm Hà Bắc

Thời hạn vay : Thời hạn vay 20 năm kể từ 01/07/2000

Lãi suất : 0%. Phí cho vay lại 0,2%/năm

Đảm bảo tiền vay : Tài sản hình thành từ vốn vay

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
Số dư tại 01/01/2012	854.537.966.196	779.542.930.161	201.335.673.362	-	2.183.528.080	1.837.600.097.799
Tăng trong năm	259.042.728.029	-	-	384.721.189.975	-	643.763.918.004
Phân phối lợi nhuận năm trước	259.042.728.029	-	-	-	-	259.042.728.029
Lãi năm trước	-	-	-	373.951.703.450	-	373.951.703.450
Tăng khác	-	-	-	10.769.486.525	-	10.769.486.525
Giảm nguồn vốn	-	259.042.728.029	-	-	-	259.042.728.029
Kết chuyển nguồn	-	259.042.728.029	-	-	-	259.042.728.029
Số dư tại 31/12/2012	1.113.580.694.225	520.500.202.132	201.335.673.362	384.721.189.975	2.183.528.080	2.222.321.287.774
Số dư tại 01/01/2013	1.113.580.694.225	520.500.202.132	201.335.673.362	384.721.189.975	2.183.528.080	2.222.321.287.774
Tăng trong năm	-	367.026.994.164	38.472.118.998	228.123.922.243	-	633.623.035.405
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	58.782.025.131	38.472.118.998	-	-	97.254.144.129
Tạm phối lợi nhuận năm nay	-	68.437.176.673	-	-	-	68.437.176.673
Lãi năm nay	-	-	-	227.156.953.938	-	227.156.953.938
Điều chỉnh theo Thông tư 220/2013/TT-BTC	-	239.807.792.360	-	-	-	239.807.792.360
LN tăng thêm năm 2012 do kết quả của thanh tra bộ tài chính	-	-	-	966.968.305	-	966.968.305
Giảm trong năm	-	-	239.807.792.360	612.845.112.218	-	852.652.904.578
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	-
Nộp về tập đoàn	-	-	-	225.568.249.650	-	225.568.249.650
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	58.782.025.131	-	58.782.025.131
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	38.472.118.998	-	38.472.118.998
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	61.398.796.197	-	61.398.796.197
Trích thưởng ban quản lý điều hành	-	-	-	500.000.000	-	500.000.000
Tạm phối lợi nhuận năm nay	-	-	-	228.123.922.242	-	228.123.922.242
Điều chỉnh theo Thông tư 220/2013/TT-BTC	-	-	239.807.792.360	-	-	239.807.792.360
Số dư tại 31/12/2013	1.113.580.694.225	887.527.196.296	-	-	2.183.528.080	2.003.291.418.601

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	1.113.580.694.225	1.113.580.694.225
Vốn góp của đối tượng khác		
Cộng	1.113.580.694.225	1.113.580.694.225

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	1.113.580.694.225	854.537.966.196
Vốn góp tăng trong năm	-	259.042.728.029
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	1.113.580.694.225	1.113.580.694.225
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	180.000.000.000	-

16.4 Các quỹ doanh nghiệp

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các quỹ của doanh nghiệp:		
Quỹ đầu tư phát triển	887.527.196.296	520.500.202.132
Quỹ dự phòng tài chính	-	201.335.673.362

17. NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số đầu năm	180.000.000	(40.886.406)
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	(180.000.000)	(360.000.000)
Chi sự nghiệp		(580.886.406)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	180.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng	1.842.435.022.499	2.009.942.895.855
Cộng	1.842.435.022.499	2.009.942.895.855

19. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu thuần	1.842.435.022.499	2.009.942.895.855
Cộng	1.842.435.022.499	2.009.942.895.855

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.507.981.563.330	1.562.850.954.990
Cộng	1.507.981.563.330	1.562.850.954.990

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	105.196.043.921	168.589.890.428
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.679.120.800	1.987.200.000
Cộng	110.875.164.721	170.577.090.428

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	619.437.205	706.815.676
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	44.882.750
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	24.972.389.926	9.756.273.243
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	38.794.573
Cộng	25.591.827.131	10.546.766.242

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

23. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	73.375.094.788	124.122.951.896
Cộng	73.375.094.788	124.122.951.896

THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	301.165.674.446	498.564.581.066
+ Các khoản điều chỉnh tăng	128.000.000	-
<i>Khoản chi không được trừ theo quy định</i>	<i>128.000.000</i>	
+ Các khoản điều chỉnh giảm	7.793.295.296	2.072.773.482
- Tài sản thuế TNDN hoãn lại	1.959.702.880	
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.679.120.800	1.987.200.000
- Chênh lệch tỷ giá	154.471.616	85.573.482
Tổng thu nhập chịu thuế	293.500.379.150	496.491.807.584
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	73.375.094.788	124.122.951.896
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	73.375.094.788	124.122.951.896

24. CHI PHÍ THUẾ TNDN HOẢN LẠI

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	489.925.720	489.925.720
Cộng	489.925.720	489.925.720

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.271.192.872.050	1.272.567.735.882
Chi phí nhân công	222.101.390.824	278.826.177.977
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.814.899.984	42.641.161.242
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.511.614.860	35.594.835.904
Chi phí khác bằng tiền	77.063.513.358	83.412.878.828
Cộng	1.638.684.291.076	1.713.042.789.833

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***23. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	73.327.194.788	124.122.951.896
Cộng	73.327.194.788	124.122.951.896

THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	300.974.074.446	498.564.581.066
+ Các khoản điều chỉnh tăng	128.000.000	-
<i>Khoản chi không được trừ theo quy định</i>	<i>128.000.000</i>	
+ Các khoản điều chỉnh giảm	7.793.295.296	2.072.773.482
- Tài sản thuế TNDN hoãn lại	1.959.702.880	
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.679.120.800	1.987.200.000
- Chênh lệch tỷ giá	154.471.616	85.573.482
Tổng thu nhập chịu thuế	293.308.779.150	496.491.807.584
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	73.327.194.788	124.122.951.896
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	73.327.194.788	124.122.951.896

24. CHI PHÍ THUẾ TNDN HOẢN LẠI

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	489.925.720	489.925.720
Cộng	489.925.720	489.925.720

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.271.192.872.050	1.272.567.735.882
Chi phí nhân công	222.387.290.824	278.826.177.977
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.814.899.984	42.641.161.242
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.511.614.860	35.594.835.904
Chi phí khác bằng tiền	77.063.513.358	83.412.878.828
Cộng	1.638.970.191.076	1.713.042.789.833

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

26. THÔNG TIN KHÁC

Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Tài sản tài chính</i>	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	981.416.861.009		1.422.803.918.744	
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000		-	
Phải thu khách hàng	24.959.216.191	(158.494.500)	186.636.348.891	(158.494.500)
Các khoản phải thu khác	11.167.151.336		11.323.042.666	
Đầu tư dài hạn	23.528.500.000		23.528.500.000	
Cộng	1.051.071.728.536	(158.494.500)	1.620.763.310.301	(158.494.500)

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	VND		VND	
<i>Nợ phải trả tài chính</i>				
Vay và nợ	5.456.994.368.310		1.410.008.529.965	
Phải trả người bán	236.812.091.815		19.161.377.462	
Các khoản phải trả khác	154.255.381.647		6.048.458.185	
Cộng	5.848.061.841.772		1.435.218.365.612	

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, không bao gồm các khoản trích lập dự phòng phải thu.

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch vay và nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất của thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc một đối tác không đáp ứng được nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tính hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	45.269.472.000		5.411.724.896.310	5.456.994.368.310
Phải trả người bán	236.812.091.815			236.812.091.815
Các khoản phải trả khác	154.255.381.647			154.255.381.647
Cộng	436.336.945.462	-	5.411.724.896.310	5.848.061.841.772
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	44.821.856.000		1.365.186.673.965	1.410.008.529.965
Phải trả người bán	19.161.377.462			19.161.377.462
Các khoản phải trả khác	6.048.458.185			6.048.458.185
Cộng	70.031.691.647	-	1.365.186.673.965	1.435.218.365.612

Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty có phát sinh giao dịch mua hàng hóa dịch vụ và có số dư chủ yếu như sau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Năm 2013
Cy CP Hóa chất Hưng phát hà Bắc	Công ty Con	Bán phân đạm, HC	42.221.664.603
Cty CP XNK phân bón Bắc Giang	Công ty Liên kết	Bán phân đạm, HC	41.908.413.544
Công ty TNHH MTV Apatit VN	Cùng Tập đoàn	Bán phân đạm	5.432.542.500
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Cùng Tập đoàn	Bán phân đạm, cước vc	1.067.452.310
Công ty Cổ phần Hóa chất Vĩnh Thịnh	Cùng Tập đoàn	Bán phân đạm	6.938.400.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	Bán phân đạm	3.742.200.000
Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam	Cùng Tập đoàn	Mua hóa chất	2.729.668.200
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Cùng Tập đoàn	Mua hóa chất	1.976.796.800
Công ty CP thiết kế CN Hóa chất	Cùng Tập đoàn	Sửa chữa	64.449.200
Công ty CP phát triển Phụ gia và SP	Cùng Tập đoàn	Mua dầu mỡ	3.810.696.560

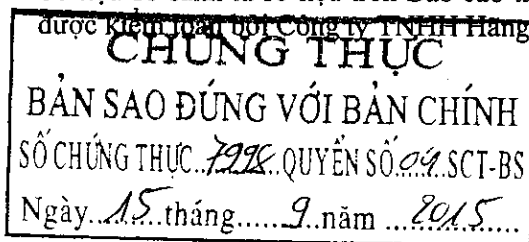
Số dư cuối năm khoản công nợ phải thu với các bên liên quan như sau

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Cty CP Hóa chất Hưng phát hà Bắc	Công ty Con	Bán phân đạm	4.367.724.702	1.070.730.626
- Công ty CP XNK phân bón Bắc	Công ty Liên kết	Bán phân đạm	61.187.549	235.747.072
Công ty TNHH MTV Apatit VN	Cùng Tập đoàn	Bán phân đạm		(4.760.070)
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Cùng Tập đoàn	Bán phân đạm		(103.416.310)
Công ty Cổ phần Hóa chất Vĩnh Thịnh	Cùng Tập đoàn	Bán phân đạm	15.750.000	
Công ty Cổ phần Hóa chất Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	Bán phân đạm	(37.800.000)	(43.050.000)
Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam	Cùng Tập đoàn	Mua hóa chất	92.950.000	92.950.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Cùng Tập đoàn	Mua hóa chất	(393.558.000)	(260.511.900)
Công ty CP thiết kế CN Hóa chất	Cùng Tập đoàn	DV sửa chữa	(75.700.005)	(140.149.205)
Công ty CP phát triển Phụ gia và SP	Cùng Tập đoàn	Mua dầu mỡ	(458.512.560)	(1.018.089.160)

Ghi chú; Số () thể hiện giá trị khoản phải trả

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thu Nga

H

Nguyễn Thu Nga
 Người lập báo cáo tài chính
 Bắc Giang, ngày 21 tháng 02 năm 2014

Hà Xuân Hán
 Kế toán trưởng

Đỗ Doãn Hùng
 Tổng Giám đốc



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hoài Thu